



**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 09 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại R1-49 khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.763.500.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tài chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất Inox.
- Bán buôn: đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

Ông Trần Xảo Cơ	Chủ tịch
-----------------	----------

Ông Trần Tuấn Minh	Thành viên
--------------------	------------

Ông Trần Thanh Sang	Thành viên
---------------------	------------

Ông Lê Anh Hải	Thành viên
----------------	------------

Ông Khuru Kim Hòa	Thành viên
-------------------	------------

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
--------	-----------

Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
--------------------	----------

Ông Hồ Ngọc Thế Anh	Phó Giám đốc
---------------------	--------------

3. Tình hình kinh doanh năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 09 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012

GIÁM ĐỐC





RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 13.102/BCKT-DTL.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán đối kế toán vào ngày 30 tháng 09 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012



TANG QUỐC THẮNG

Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN		Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		100.443.596.485	48.005.147.051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	5.1	3.630.791.787	13.092.916.839
1. Tiền		111		3.630.791.787	13.092.916.839
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn		121		-	1.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu		130	5.2	50.771.244.724	20.989.471.824
1. Phải thu khách hàng		131		42.239.620.344	17.186.518.093
2. Trả trước cho người bán		132		3.298.756.057	175.754.304
3. Phải thu nội bộ		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135		6.294.493.711	4.370.337.199
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139		(1.061.625.388)	(743.137.772)
IV. Hàng tồn kho		140	5.3	44.059.442.637	10.843.308.841
1. Hàng tồn kho		141		44.101.448.255	10.885.314.459
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(42.005.618)	(42.005.618)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1.982.117.337	2.079.449.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	5.4	989.243.147	630.307.968
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		-	199.237.262
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		1.376.261	1.376.261
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	5.5	991.497.929	1.248.528.056

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN		Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		34.163.775.412	11.847.061.490
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định		220		31.661.032.852	10.551.300.068
1.	TSCĐ hữu hình	221	5.6	31.661.032.852	10.427.609.085
	+ Nguyên giá	222		37.202.125.159	15.413.130.735
	+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.541.092.307)	(4.985.521.650)
2.	TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
	+ Nguyên giá	225		-	-
	+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	TSCĐ vô hình	227		-	-
	+ Nguyên giá	228		-	-
	+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	123.690.983
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
	+ Nguyên giá	241		-	-
	+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		2.502.742.560	1.295.761.422
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.761.720.960	554.739.822
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	5.8	741.021.600	741.021.600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		134.607.371.897	59.852.208.541

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN		Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ		300		90.920.844.626	16.335.016.586
I. Nợ ngắn hạn		310		90.834.030.953	16.245.001.719
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	5.9	19.500.000.000	5.695.000.000
2. Phải trả người bán		312	5.10	68.732.704.997	8.719.650.649
3. Người mua trả tiền trước		313	5.10	770.630.711	118.358.101
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	5.11	1.535.321.604	1.442.066.187
5. Phải trả người lao động		315	-	-	-
6. Chi phí phải trả		316	-	-	157.471.182
7. Phải trả nội bộ		317	-	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	-	18.458.841	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	-	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	5.12	276.914.800	112.455.600
II. Nợ dài hạn		330		86.813.673	90.014.867
1. Phải trả dài hạn người bán		331	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	-	-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334	-	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	-	14.134.006	5.515.200
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	-	72.679.667	84.499.667
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338	-	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339	-	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		43.686.527.270	43.517.191.955
I. Vốn chủ sở hữu		410	5.13	43.686.527.270	43.517.191.955
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	-	39.763.500.000	39.763.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	-	1.657.825.820	1.799.238.080
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	-	2.294.874.180	2.153.461.920
4. Cổ phiếu quỹ		414	-	(2.294.874.180)	(2.153.461.920)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	-	454.453.875	50.444.458
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		420	-	1.810.747.575	1.904.009.417
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		421	-	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		433	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		134.607.371.897	59.852.208.541

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuế ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại	-	-	-
+ USD		23.417,51	104.001,96
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	282.927.287.656	264.459.725.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	282.927.287.656	264.459.725.477
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	262.691.538.126	246.922.296.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.235.749.530	17.537.428.785
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	558.322.443	2.326.267.618
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.562.422.055	2.505.544.391
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.876.312.686	1.659.287.002
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	11.687.999.738	6.509.570.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	5.262.107.383	7.824.424.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.281.542.796	3.024.156.618
11. Thu nhập khác	31	6.7	5.256.522.331	1.029.686.237
12. Chi phí khác	32	6.8	3.510.205.579	494.581.708
13. Lợi nhuận khác	40		1.746.316.752	535.104.529
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.027.859.548	3.559.261.147
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.208.493.167	1.514.723.535
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8.618.806	2.772.920
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.810.747.575	2.041.764.692
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	5.13	472	560

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
01	Lợi nhuận trước thuế	3.027.859.548	3.559.261.147
Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định	1.800.900.303	2.084.448.247
03	Các khoản dự phòng	318.487.616	171.339.727
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(56.536.026)	(22.060.799)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.625.270.599)	(1.168.842.738)
06	Chi phí lãi vay	1.876.312.686	1.659.287.002
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	5.341.753.528	6.283.432.586
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(29.936.727.561)	(4.663.141.861)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho	(33.216.133.796)	9.389.072.915
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	42.202.418.791	(17.255.048.860)
12	Tăng giảm chi phí trả trước	(1.565.916.317)	414.001.007
13	Tiền lãi vay đã trả	(1.940.020.325)	(1.595.579.363)
14	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.396.738.659)	(987.865.328)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.058.637.355	91.202.531
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(9.241.526.814)	(1.605.622.532)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	(28.694.253.797)	(9.929.548.905)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(678.785.838)	(2.410.460.560)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	5.000.000.000	181.818.182
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	-	(1.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	194.502.620	1.039.964.157
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	5.515.716.782	(2.188.678.221)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

ho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

ơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

HÍ TIÊU	Mã số Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	23.716.200.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(141.412.260)	(2.153.461.920)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	107.450.848.860	65.361.133.426
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(93.624.660.354)	(68.025.072.712)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.377.783.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.684.776.246	14.521.015.794
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(9.493.760.769)	2.402.788.668
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	13.092.916.839	10.710.326.656
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	31.635.717	(20.198.485)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	3.630.791.787	13.092.916.839

KẾ TOÁN TRƯỞNG**ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012.

GIÁM ĐỐC**TRẦN TUẤN MINH**

37.C
TY
400.H
CÁI
T.1
3.CY

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 03 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4, Phú Mỹ Hưng, đường Bùi Bằng Đoàn, phường Tân Phong, quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 39.763.500.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, kệ, tủ bằng gỗ (không chế biến tại trụ sở).
- Sản xuất Inox.
- Bán buôn: đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/10 đến 30/9.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1%.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông thường niên.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	612.634.274	740.696.471
Tiền gửi ngân hàng	3.018.157.513	12.352.220.368
Tổng cộng	3.630.791.787	13.092.916.839

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	42.239.620.344	17.186.518.093
- Khách hàng trong nước	37.408.426.868	13.867.996.844
- Khách hàng nước ngoài	4.831.193.476	3.318.521.249
Trả trước cho người bán	3.298.756.057	175.754.304
- Nhà cung cấp trong nước	272.117.271	175.754.304
- Nhà cung cấp nước ngoài	3.026.638.786	-
Các khoản phải thu khác	6.294.493.711	4.370.337.199

Cộng các khoản phải thu ngắn hạn

21.732.609.596

Dự phòng phải thu khó đòi

(1.061.625.388)

Giá trị thuần của các khoản phải thu

20.989.471.824

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	7.414.000	10.632.952.672
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	15.226.000	190.958.196
Cộng – xem thêm mục 8	22.640.000	10.823.910.868

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu về tạm ứng lương của nhân viên	-	16.517.494
Trích trước lãi phải thu tiền gửi ngân hàng	-	59.666.667
Phải thu về thuế GTGT để nghị hoàn	6.294.493.711	4.290.243.958
Phải thu khác	-	3.909.080
Cộng	6.294.493.711	4.370.337.199

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	15.628.174.301	1.436.559.551
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.294.780.542	605.992.625
Thành phẩm	22.971.837.854	2.333.472.464
Hàng hóa	4.206.655.558	6.509.289.819
Cộng giá gốc hàng tồn kho	44.101.448.255	10.885.314.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(42.005.618)	(42.005.618)
Giá trị thuần có thể thực hiện	44.059.442.637	10.843.308.841

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp các khoản vay là: 32.546.976.000 VNĐ.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Đây là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	96.595.000	50.000.000
Ký quỹ mở L/C	894.902.929	1.198.528.056
Tổng cộng	991.497.929	1.248.528.056

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	ĐVT: ngàn đồng	
				Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	13.564.637	1.412.739	435.754	15.413.130
Mua trong năm	12.692	26.158.322	27.000	222.184	26.420.198
Đầu tư XD CB hoàn thành	17.608	106.083	-	-	123.691
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.754.895)	-	-	(4.754.895)
Số dư cuối năm	30.300	35.074.147	1.439.739	657.938	37.202.124
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	4.531.846	234.296	219.379	4.985.521
Khấu hao trong năm	5.132	1.478.008	217.163	100.597	1.800.900
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.245.330)	-	-	(1.245.330)
Số dư cuối năm	5.132	4.764.524	451.459	319.976	5.541.091
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	9.032.791	1.178.443	216.375	10.427.609
Tại ngày cuối năm	25.168	30.309.623	988.280	337.962	31.661.033

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 192.236.809 đồng.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

Đây là chi phí vật tư, thiết bị và công cụ dụng cụ xuất dùng còn phân bổ.

5.8. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ vỏ bình gas và ký quỹ tiền thuê nhà.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	19.500.000.000	5.695.000.000
Tổng cộng	19.500.000.000	5.695.000.000

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn được thế chấp bằng tài sản của Công ty (Xem thêm mục 5.3) và chịu lãi suất 13,4%/năm đến 19,15%/năm đối với VND.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	68.732.704.997	8.719.650.649
- Nhà cung cấp trong nước	52.807.813.235	8.719.650.649
- Nhà cung cấp nước ngoài	15.924.891.762	-
Người mua trả tiền trước	770.630.711	118.358.101
- Khách hàng trong nước	494.277.517	-
- Khách hàng nước ngoài	276.353.194	118.358.101
Tổng cộng	69.503.335.708	8.838.008.750

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	34.288.747.491	6.474.312.748
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	2.403.595.732	-
Cộng – xem thêm mục 8	36.692.343.223	6.474.312.748

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	262.004.018	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.231.303.431	1.419.548.923
Thuế thu nhập cá nhân	42.014.155	22.517.264
Tổng cộng	1.535.321.604	1.442.066.187

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm này	Năm trước
Số dư đầu năm	112.455.600	295.079.680
Trích lập trong năm	1.500.000.000	400.000.000
Sử dụng trong năm	(1.335.540.800)	(582.624.080)
Số dư cuối năm	276.914.800	112.455.600

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	68.732.704.997	8.719.650.649
- Nhà cung cấp trong nước	52.807.813.235	8.719.650.649
- Nhà cung cấp nước ngoài	15.924.891.762	-
Người mua trả tiền trước	770.630.711	118.358.101
- Khách hàng trong nước	494.277.517	-
- Khách hàng nước ngoài	276.353.194	118.358.101
Tổng cộng	69.503.335.708	8.838.008.750

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong đó, khoản phải trả cho các bên liên quan là:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	34.288.747.491	6.474.312.748
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	2.403.595.732	-
Cộng – xem thêm mục 8	36.692.343.223	6.474.312.748

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	262.004.018	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.231.303.431	1.419.548.923
Thuế thu nhập cá nhân	42.014.155	22.517.264
Tổng cộng	1.535.321.604	1.442.066.187

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm này	Năm trước
Số dư đầu năm	112.455.600	295.079.680
Trích lập trong năm	1.500.000.000	400.000.000
Sử dụng trong năm	(1.335.540.800)	(582.624.080)
Số dư cuối năm	276.914.800	112.455.600

(Phần tiếp theo ở trang 18)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm trước	Lợi nhuận trong năm trước	Cổ tức đã trả	Mua cổ phiếu quỹ	Tặng khác	Giảm khác	Số dư đầu năm nay	Lợi nhuận trong năm	Mua cổ phiếu quỹ	Trích lập quỹ	Số dư cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.763.500.000	-	-	-	-	-	39.763.500.000	-	-	-	39.763.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.952.700.000	-	-	(2.153.461.920)	-	-	1.799.238.080	-	(141.412.260)	-	1.657.825.820
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	2.153.461.920	-	-	2.153.461.920	-	141.412.260	-	2.294.874.180
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(2.153.461.920)	-	(1.496.642.973)	(2.153.461.920)	-	(141.412.260)	-	(2.294.874.180)
Quy khác	2.647.064.285	-	-1.412.580.008	-	312.603.154	(1.496.642.973)	50.444.458	-	-	404.009.417	454.453.875
Lợi nhuận chưa phân phối	1.370.864.992	2.104.009.417	(1.370.864.992)	-	-	(200.000.000)	1.904.009.417	1.810.747.575	-	(1.904.009.417)	1.810.747.575
Công	47.734.129.277	2.104.009.417	(2.783.445.000)	(2.153.461.920)	312.603.154	(1.696.642.973)	43.517.191.955	1.810.747.575	(141.412.260)	(1.500.000.000)	43.686.527.270

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	30/09/2012	Tỉ lệ
Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	12.200.000.000	30,68%
Ông Trần Tuấn Minh	1.800.000.000	4,53%
Ông Lương Tuấn Minh	550.000.000	1,38%
Ông Lê Anh Hải	500.000.000	1,26%
Ông Trần Ngọc Hải	400.000.000	1,01%
Ông La Thọ Văn	300.000.000	0,75%
Ông La Thời Tâm	289.000.000	0,73%
Cổ đông khác	23.724.500.000	59,66%
Cộng	39.763.500.000	100%

5.13.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	3.976.350	3.976.350
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(142.300)	(133.300)
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.834.050	3.843.050

▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.810.747.575	2.041.764.692
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	3.834.518	3.647.710
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	472	560

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	158.962.898.474	210.743.386.217
Doanh thu bán thành phẩm	123.964.389.182	53.716.339.260
Doanh thu thuần	282.927.287.656	264.459.725.477

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	154.876.770.566	201.385.236.392
Giá vốn của thành phẩm đã bán	107.814.767.560	45.537.060.300
Tổng cộng	262.691.538.126	246.922.296.692

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	134.835.953	1.099.630.824
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	366.950.464	1.204.575.995
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.536.026	22.060.799
Tổng cộng	558.322.443	2.326.267.618

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.876.312.686	1.659.287.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	686.109.369	846.257.389
Tổng cộng	2.562.422.055	2.505.544.391

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.793.522.885	2.889.216.816
Chi phí vật liệu bao bì	1.639.000	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	46.424.268	36.072.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.478.418.705	367.500.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.828.316.077	1.960.639.681
Chi phí dự phòng	318.487.616	-
Chi phí bằng tiền khác	2.221.191.187	1.256.141.309
Tổng cộng	11.687.999.738	6.509.570.706

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.936.737.030	1.577.151.935
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.444.374	245.607.978
Chi phí khấu hao tài sản cố định	955.007.939	1.353.910.893
Thuế, phí và lệ phí	6.020.000	6.000.000
Chi phí dự phòng		276.999.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.187.821.943	1.876.437.618
Chi phí bằng tiền khác	1.022.076.097	2.488.316.833
Tổng cộng	5.262.107.383	7.824.424.688

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán phế liệu, chuyển nhượng mặt bằng	186.913.375	661.611.748
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.000.000.000	181.818.182
Thu nhập khác	69.608.956	186.256.307
Tổng cộng	5.256.522.331	1.029.686.237

**CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí chuyển nhượng mặt bằng	-	381.784.777
Chi phí thanh lý tài sản cố định	3.509.565.354	112.606.268
Khác	640.225	190.663
Tổng cộng	3.510.205.579	494.581.708

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.027.859.548	3.559.261.147
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.862.649.146	2.563.030.749
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(56.536.026)	(63.397.756)
Thu nhập tính thuế TNDN	4.833.972.668	6.058.894.140
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	1.208.493.167	1.514.723.535

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ và thu nhập chịu thuế khi tính thuế như:

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.165.159.180	34.392.407.926
Chi phí nhân công	16.928.994.816	11.787.986.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.917.691.512	3.571.615.193
Chi phí dự phòng	318.487.616	276.999.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.630.606.357	7.927.901.617
Chi phí khác bằng tiền	3.271.487.284	3.756.543.142
Tổng cộng	252.232.426.765	61.713.454.079

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

ĐVT: triệu đồng

	Trong nước		Ngoài nước		Tổng cộng	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	221.832	230.847	42.628	52.081	264.460	282.927
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	221.832	230.847	42.628	52.081	264.460	282.927
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	12.331	9.834	5.762	12.148	18.073	21.982
Chi phí không phân bổ					(14.334)	(16.950)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính					3.739	5.032
Thu nhập tài chính					2.326	558
Chi phí tài chính					(2.506)	(2.562)
Lợi nhuận trước thuế					3.559	3.028
Chi phí thuế TNDN					(1.515)	(1.208)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(3)	(9)
Lợi nhuận sau thuế					2.041	1.811
Các thông tin khác						
					Tổng cộng	
Tài sản bộ phận	13.755	38.013	2.864	6.464	16.619	44.477
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	43.233	90.130
Tổng tài sản					59.852	134.607
Nợ phải trả bộ phận	16.330	74.982	-	15.925	16.330	90.907
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	6	14
Tổng nợ phải trả					16.336	90.921

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì lĩnh vực của Công ty chỉ bao gồm sản xuất và mua bán thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Hữu Liên Á Châu	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	Công ty liên kết

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	22.640.000	10.823.910.868
Phải trả - Xem thêm mục 5.10	36.692.343.223	6.474.312.748

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm này	Năm trước
Bán hàng	26.621.815.260	23.626.105.244
Thu tiền bán hàng	37.423.086.128	12.741.878.251
Cán trừ công nợ		61.620.126
Mua hàng	98.012.919.375	79.979.450.284
Phải trả phí gia công cắt thép	292.229.148	127.054.592
Phải trả tiền thuê kho, thuê mặt bằng	3.484.526.900	1.389.284.100
Thanh toán tiền hàng	71.571.644.948	78.512.228.082
Cước vận chuyển	919.453.264	-
Trả tiền cước vận chuyển	869.472.344	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm này	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	408.000.000	202.000.000
Lương Giám đốc	451.100.000	277.033.000
Lương các nhân viên chủ chốt khác	370.860.000	272.723.000
Tổng cộng	1.229.960.000	751.756.000

9. Cam kết theo các hợp đồng thuế hoạt động

Công ty thuế vẫn phòng theo hợp đồng thuế hoạt động số HDTN/MHL/30082011 ngày 30 tháng 08 năm 2011. Các hợp đồng thuế có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền thuế có định mỗi kỳ.

	Năm này	Năm trước
Chi phí thuế hoạt động ghi nhận trong năm	1.036.175.976	963.054.664

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/9/2012	1/10/2011
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.630.791.787	13.092.916.839
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.177.994.956	16.443.380.321
Đầu tư ngắn hạn	-	1.000.000.000
Các khoản ký quỹ	1.635.924.529	1.939.549.656
Tổng cộng	46.444.711.272	32.475.846.816

Công nợ tài chính

Các khoản vay	19.500.000.000	5.695.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	68.732.704.997	8.719.650.649
Chi phí phải trả	-	157.471.182
Tổng cộng	88.232.704.997	14.572.121.831

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị ghi số theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/9/2012	1/10/2011	30/9/2012	1/10/2011
Đô la Mỹ (USD)	145.315,86	160,875	23.417,51	104.001,96

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
30/9/2012			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	68.732.704.997	-	68.732.704.997
Các khoản vay	19.500.000.000	-	19.500.000.000
1/10/2011			
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	8.719.650.649	-	8.719.650.649
Chi phí phải trả	157.471.182	-	157.471.182
Các khoản vay	5.695.000.000	-	5.695.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

30/9/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác 41.177.994.956	894.902.929	-	41.177.994.956
Các khoản ký quỹ		741.021.600	1.635.924.529
1/10/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác 16.443.380.321	1.198.528.056	-	16.443.380.321
Các khoản ký quỹ	1.000.000.000	741.021.600	1.939.549.656
Đầu tư ngắn hạn		-	1.000.000.000

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2012 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 27 tháng 11 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG



TRẦN TUẤN MINH